

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/DSST
Ngày: 18/9/2022
“ T/c quyền sử dụng đất
và BTTHTS”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Tấn Đức

* Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2011/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2011 về việc “*Tranh chấp dân sự quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐST-DS, ngày 14/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 và Thông báo mở phiên tòa số: 23/2022 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn:- Ông Hồ Văn B, sinh năm 1952 (có mặt)
- Bà Phạm Kim A, sinh năm 1952 (chết)

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

1.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Kim A gồm chồng và các con.

- Ông Hồ Văn B, sinh năm 1952 (chồng bà Kim Anh)

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Ngã Bát, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị Hồ Thị Ngọc Ch, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Chị Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 1057C, đường Lâm Quang Ky, khu phố 5, phường An Hòa, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

- Chị Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1992
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
Người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 của bà Hà, chị Ch, chị H, chị H, chị D là: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1952 (có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn B là: Ông Huỳnh Phương Ch. Luật sư thuộc đoàn Luật sư Phạm Văn C (có mặt)
Địa chỉ Chi nhánh: ấp 10 Huỳnh, xã Đông Hưng, huyện An Minh.
2. *Bị đơn*: - Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1955 (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị K, 55 tuổi) (chết)
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.
2.1. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Kỷ gồm chồng và các con*,
- Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1955 (chồng bà Kỷ)
- Phạm Thanh Ph, sinh năm 1986
- Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 38 tuổi
- Chị Phạm Kiều V, 34 tuổi
Cùng địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.
- Anh Phạm Văn (Hoàng) Tr, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
- Chị Phạm Thị Kim Hu, 32 tuổi
Địa chỉ: Khóm Đông Thịnh, 8 (cầu Cả Sơn), phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
3. *Cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
- Ủy ban nhân dân huyện An Minh.
Người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Quốc H, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2011 và quá trình tố tụng ông Hồ Văn B và bà Phạm Thị Kim A trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào khoảng năm 1989 ông Phạm Văn Th (em bà Kim A) có tặng cho ông và bà Kim A diện tích là 3.510m², địa chỉ thửa đất khu phố 4, thị trấn thứ 11, huyện An Minh. Vị trí hướng đông giáp Kênh Đầu Ngàn, hướng tây giáp đất ông B, hướng nam giáp đất ông Th, hướng bắc giáp đất ông Phạm Văn T, thời điểm cho đất thì đất ông Th đất hoan, ông B và bà Kim A bỏ công khai phá lên liếp trồng mía một thời gian thì phá mía trồng bạch đàn, đã khai thác bạch đàn bán được một lần sau đó trồng lại. Năm 2001 ông B đã kê khai đề nghị UBND huyện An Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong giấy quyền sử dụng là 25.440m², trong đó; đất nhận chuyển nhượng 19.440m², phần đất ông Th cho là

3.510m², đất của ông Kh là 2.400m², ông B, bà Kim A sử dụng một thời gian trả lại phần đất của ông Kh, ông Kh trả lại thành quả lao động.

Năm 2010 ông Th nảy sinh ý định lấy lại diện tích đất đã cho ông B và bà Kim A, ông Th có kêu đưa con gái đến gặp ông B nói đòi lại đất nên ông nói đòi thì phải bồi thường thành quả lao động, khi con ông Th về báo lại sự việc nên ông Th đến phần đất chặt 69 cây bạch đàn vào hôm sau lên chặt phá tất cả, tổng hai lần chặt là 679, ban tất cả liếp xuống làm ruộng, đồng thời lấn phần đất của ông B, bà Kim A phía trên hậu, ngang 03 mét, dài 108 mét, ông B báo chính quyền địa phương lập biên bản và yêu cầu đến UBND thị trấn Thứ 11 giải quyết nhưng không thỏa thuận được, ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết. Buộc ông Phạm Văn Th bồi thường số cây bạch đàn trồng trên đất ông Th chặt 679 cây x 50.000đ/cây, số tiền là 33.950.000đ; Yêu cầu ông Th phải giao lại diện tích đất ngang 3 mét x dài 108 mét, hướng đông giáp đất ông Th, hướng tây giáp đất ông B, hướng nam giáp đất ông T, hướng bắc giáp đất Khanh và ông Th. Diện tích đất hiện nay ông B đang sử dụng; Yêu cầu ông Th phải trả lại tiền nhân công đào đất lên liếp thuê bằng lúa là 520 gạ, loại lúa dài thường, theo giá địa phương tại thời điểm trả.

Ông Hồ Văn B đồng ý trả lại diện tích đất 3.510m² cho ông Th, phần đất này ông Th đã lấy lại sử dụng từ năm 2010.

Theo đơn khởi kiện phản tố và quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Văn Th trình bày và yêu cầu như sau

Vào năm 1989 ông B cưới bà Kim A (chị ông Th) nên ông Th có cho mượn phần đất sử dụng, diện tích là 3.555m², tại khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, hướng đông, hướng tây, hướng bắc giáp đất ông Th, hướng nam giáp đất ông Kh, thời hạn cho mượn khoảng 4 đến 5 năm phải trả lại đất cho ông Th, ông Th trả lại tiền công, nếu quá thời hạn trên không trả lại đất cho ông thì ông lấy đất lại mà không trả khoản nhân công nào cho ông B, khi cho mượn không làm văn bản giấy tờ gì. Phần đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 6, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: G010515 ngày 07/10/1995, đến năm 2004 ông đổi lại giấy đỏ số: 000000003, ngày 12/4/2004, tờ bản đồ, số thửa như trên. Năm 2010 ông Th kêu con gái là Phạm Thị Mỹ L đến gặp ông B và bà Kim A báo là ông Th lấy đất lại sử dụng thì ông B trả lời muốn lấy đất lại thì phải bồi thường mỗi công đất là 07 chỉ vàng 24kra/công, vì phần đất này ông B đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ rồi. Khi nghe ông B nói ông Th nóng giận đi lên phần đất cho ông B mượn chặt 430 cây bạch đàn do ông B và bà Kim A trồng khoảng 02 năm, loại lớn, nhỏ. Phần đất thứ hai vào năm 1992 ông Th có cho ông B và bà Kim A mượn bờ phía trên hậu giáp một phần đất của ông B, ngang 09

mét x 36 mét, diện tích đất này ông Th được cấp giấy chứng nhận số: G 010515, thửa số 5, trong diện tích 19.800m². Ông Phạm Văn Th xác định phần đất là 3.555m² ông lấy lại sử dụng từ năm 2010, khi sử dụng ông phải thuê rô be ban liếp xuống, tiền thuê ban đất là 3.750.000đ yêu cầu ông B bồi thường lại cho ông Th. Diện tích đất phía trên đầu ngàn hiện nay ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ông Th đồng ý bồi thường số lượng cây trồng (bach đàn) là 430 cây, lớn nhỏ quy ra thành tiền là 3.225.000đ (loại lớn 10.000đ cây, loại nhỏ 5.000.000đ). Không đồng ý bồi thường lúa như ông B yêu cầu vì đất cho mượn chiếm luôn.

Tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B trình bày và yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu ông Phạm Văn Th bồi thường số cây trồng trên đất là 430 cây, giá theo kết luận định giá của công ty định giá đất Vàng Kiên Giang là 8.600.000đ, không yêu cầu định giá lại.

Đồng ý trả lại diện tích đất 3.036m² theo bản trích đo địa chính năm 2012 cho ông Phạm Văn Th (phần đất này ông Th đã lấy lại sử dụng)

Yêu cầu ông Th phải hoàn trả lại thành quả lao động diện tích là số tiền 24.807.000đ.

Rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi diện tích đất 967m² phía sau hậu, rút lại một phần khởi kiện đòi bồi thường 520 giá lúa và một phần yêu cầu đòi bồi thường 249 cây bạch đàn trong số 670 cây trên.

Không đồng ý bồi thường tiền ban liếp theo yêu cầu ông Th.

Bị đơn ông Phạm Văn Th và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ý kiến.

Nguyên đơn ông Hồ Văn B và ông B cũng đại diện cho đồng thừa kế của bà Kim A thống nhất ý kiến của Luật sư nêu ra.

- Kiểm sát viên kết luận: Trong quá trình tố tụng cũng nh- tại phiên tòa cơ bản thực hiện đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán giải quyết vụ án còn để vụ án kéo dài thời hạn xét xử.

Đối với đương sự, nguyên đơn ông B, cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn ông Th và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên xác định chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng: Phần đất ông B và bà Kim A khởi kiện đòi ông Th giao lại theo bản trích đo địa chính năm 2012 thì diện tích đất tranh chấp là 4.003m^2 , ($3.036\text{m}^2 + 967\text{m}^2$) được xác định nguồn gốc của ông Phạm Văn Th, khi khởi kiện thì ông B xác định là ông Th cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 1989 đến năm 2010 ông Th đến lấy lại đất thì phát sinh tranh chấp, ông B yêu cầu đến chính quyền địa phương hòa giải, tại cuộc hòa giải của UBND thị trấn Thứ 11 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông B đồng ý trả lại diện tích đất 3.036m^2 cho ông Th, rút lại yêu cầu đòi diện tích đất 967m^2 , rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường cây bạch 249 cây ($679 - 430$) và số lúa đào đất lên liếp chuyển sang đòi thành quả lao động là 24.807.000đ.

Xét thấy việc ông B tự nguyện trả lại diện tích đất và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của ông B đòi ông Th giao diện tích đất 967m^2 , một phần yêu cầu đòi thành quả lao động và số cây bạch đàn theo quy định tại Điều 218, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của ông B đòi ông Th phải bồi thường thành quả lao động công khai thác phần đất ông Th lấy lại. Bị đơn ông Th có yêu cầu phản tố ngược lại đối với ông B đòi tiền thuê ban đất. Tại phiên tòa ông B chỉ yêu cầu bồi thường thành quả lao động số tiền 24.807.000 đồng, xét yêu cầu của ông Ba đòi ông Thạnh bồi thường thành quả lao động thấy rằng ông mượn phần đất ông Th sử dụng một thời hạn rất lâu có thu lợi trên đất, khi ông Th lấy đất lại sử dụng phải ban đất mới sử dụng phần đất, khi mượn đất không làm văn bản giấy tờ, không quy định quyền và nghĩa vụ cho nhau khi giao trả lại quyền sử dụng đất nên đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B đòi ông Th bồi thường thành quả lao động từ đất.

Đối với ông Phạm Văn Th có khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tiền chi phí ban đất, đồng ý bồi thường thiệt hại số cây bạch đàn là 430 cây bạch đàn, ông B đồng ý số lượng cây chặt nhưng giữa ông Th và ông B không thỏa thuận được giá trị cây nên ông B yêu cầu Tòa án tiến hành thành lập Công ty định giá, kết quả định giá của Công ty thẩm định giá, tính đến nay thì đã hết thời hạn tính giá trị cây nêu trên tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông Th vắng mặt, ông B không yêu cầu định giá lại, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B buộc ông Th phải bồi thường thiệt hại số cây bạch đàn cho ông B là 430 cây, giá mỗi cây 20.000đ, số tiền là 8.600.000đ là phù hợp quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đối với ông Phạm Văn Thạnh có đơn khởi kiện phản tố đối với ông Ba đòi bồi thường thiệt hại do thuê ru be ban đất số tiền 3.750.000đ, ông Thạnh đã được

triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 219, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phần khởi kiện của ông Thanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Hồ Văn B, bị đơn ông Phạm Văn Th không khởi kiện UBND huyện An Minh trong quá trình thu thập chứng cứ và ý kiến của các đương sự xác định phần đất tranh chấp ông Th, ông B đã được cấp giấy QSDĐ nên đưa tư cách UBND huyện An Minh vào tham gia tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Kim A quá trình giải quyết vụ án bà chết, bà K vợ ông Th đã chết trước khi ông B khởi kiện nhưng do đất tranh chấp cấp cho hộ nên Tòa án đưa các con của bà Kim A và các con của bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hồ Văn B khởi kiện ông Phạm Văn Th tranh chấp quyền sử dụng, là 967m² và diện tích đất 3.036m². Cả hai phần đất nêu trên ông B xác định nguồn gốc là của ông Phạm Văn Th tặng cho ông B và bà Kim A vào năm 1992 đến năm 2010 ông Th lấy lại diện tích đất 3.036m², ông Th xác định không tặng cho, hiện tại ông Th không khởi kiện tranh chấp phần đất 967m² với ông B, Tại phiên tòa ông B xác định rút lại khởi kiện đối với tranh chấp quyền sử dụng đất, rút lại một phần yêu cầu đòi bồi thường 249 cây bạch đàn và một phần yêu cầu đòi bồi thường thành quả lao động, ông Th khởi kiện phản tố đòi ông B bồi thường tiền ban đất. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện việc tranh chấp quyền sử dụng đất và rút lại một phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản của ông B đối với ông Th. Ông Phạm Văn Th có khởi kiện phản tố đối với ông Hồ Văn B đòi bồi thường tiền ban đất nhưng Tòa án đã triệu tập ông Th nhiều lần ông không đến tham gia phiên tòa xét xử nên HĐXX căn cứ Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với ông Hồ Văn B.

[2] Về mối quan hệ pháp luật

Nguyên đơn ông Hồ Văn B khởi kiện yêu cầu ông Th bồi thường thiệt hại tài sản số cây trên đất và bồi thường thành quả lao động, bị đơn Phạm Văn Th xác

định có chặt cây trồng trên đất và khi lấy lại đất phải thuê ban đất ra nên xác định là tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[3] Xét về nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B và ông Ba đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Kim A thấy rằng:

Ông Hồ Văn B và bà Kim A khởi kiện yêu cầu ông Th bồi thường thành quả lao động đất, số tiền 24.807.000đ, ông Th yêu cầu ông B trả tiền thuê rô be ban đất 3.750.000đ. Đối với ông B xác định khi nhận đất ông Th sử dụng thì đất hoan hóa, trong quá trình sử dụng phải lên liếp trồng cây, phía ông Th xác định khi lấy đất lại thì phải thuê rô be ban đất xuống, qua ý kiến yêu cầu của các đương sự HĐXX xác định, nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của các đương sự là do khi xác lập giao dịch không thỏa thuận cụ thể, ông B nhận phần đất tự ý lên liếp sử dụng theo mục đích của ông B, không thông qua ông Th, quá trình sử dụng tự kê khai phần đất đề nghị cấp giấy QSDĐ việc làm của ông B là trái đạo đức xã hội dẫn đến tranh chấp xảy ra, đối với ông Th cho mượn đất không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ như thế nào nên cả hai đều có lỗi nên cùng chịu hậu quả thiệt hại của mình đối với khoản chi phí thành quả lao động trên đất. Đối với ông Hồ Văn B quá trình quản lý và sử dụng đất của ông Th một thời gian rất lâu, ông đã có hưởng lợi trên đất nghĩ nên bắt toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B đòi bồi thường thành quả lao động do quá trình quản lý đất.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đòi ông Phạm Văn Th bồi thường thiệt hại 430 cây bạch đàn trồng trên đất ông Th thấy rằng:

Diện tích đất trồng bạch đàn là của ông Phạm Văn Th cho ông Hồ Văn B và bà Phạm Thị Kim A mượn, khi cho mượn không thỏa thuận sử dụng vào mục đích gì, theo ông Th xác định có quy định thời gian nhưng không văn bản giấy tờ gì chứng minh. Quá trình cho ông B mượn đất, ông B và bà Kim A trồng bạch đàn thì ông không phản đối, khi xảy ra sự việc tranh chấp ông không yêu cầu đến Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền giải quyết mà ông tự ý vào chặt cây bạch đàn ông B trồng nên ông B khởi kiện yêu cầu ông bồi thường là có cơ sở và phù hợp quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự nên ông Thanh phải có trách nhiệm bồi thường.

Xét về số lượng cây bị thiệt hại và mức bồi thường của ông B yêu cầu, về số lượng cây bị thiệt hại ông B nêu ông Th thừa nhận chặt cây và chính quyền địa phương đến lập biên bản, nhưng biên bản xác minh chủ yếu là ghi lại lời khai của ông B mà không xác minh cụ thể kích cỡ của cây để xác định, tuy nhiên, sau khi ông B khởi kiện vào ngày 05/4/2012 Tòa án nhân dân huyện An Minh tiến hành xem xét thẩm định đất và tài sản trên đất, cây trồng trên phần đất mà ông Th chặt

còn để trên phần đất các đương sự xác nhận thì hoành của gốc bạch đàn là 25cm, hoành ngọn bạch đàn là 14 cm, dài 4,6 mét. Do ông Th và ông B không thỏa thuận giá cây bạch đàn Tòa án Quyết định Công ty định giá, ngày 18/11/2019 Cty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang có kết luận số: 34/CT-KGGL giá trị cây bạch đàn khi bị thiệt hại số lượng là 430 cây, mỗi cây là 20.000đ x 430 cây, thành tiền là 8.600.000đ, tại phiên tòa hôm nay ông B xác định vẫn giữ nguyên như kết luận giá của công ty, không yêu cầu định giá lại. Phía ông Th thì Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B và ông B đại diện cho những người đồng thừa kế của bà Kim A buộc ông Phạm Văn Th phải bồi thường số lượng cây bạch đàn chặt của ông Ba là 430 cây, một cây 20.000đ, số tiền là 8.600.000đ là phù hợp quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện An Minh là cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, ông B và ông Th tranh chấp phần đất nêu trên nhưng hiện tại ông B rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về đất Tòa án đình xét xử phần tranh chấp đất nên không xem xét việc cấp giấy QSDĐ của UBND huyện đối với ông Hồ Văn B.

- Về chi phí Thẩm định và định giá: 2.780.000 đồng, trong đó chi phí định giá 2.200.000đ + 580.000đ tiền thẩm định.

Căn cứ vào Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Hồ Văn B phải chịu chi phí định giá là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trong đó: tiền chi phí thẩm định là 580.000đ, chi phí định giá là 1.420.000đ, phần này ông B đã nộp xong.

Buộc ông Phạm Văn Th phải chịu chi phí định giá là 780.000đ (Bảy trăm tám mươi ngàn đồng), phần này ông B đã tạm nộp nên ông Th có trách nhiệm trả lại cho ông Hồ Văn B.

- Về án phí sơ thẩm dân sự: 1.240.350đồng (24.708.000đ x 5%). Buộc ông Hồ Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được Tòa án chấp nhận 1.240.350đồng. Số tiền yêu cầu bồi thường thành quả lao động không được chấp nhận nhưng HĐXX xét thấy ông Hồ Văn B thuộc diện được miễn chịu án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông B. Hoàn trả lại cho ông B số tiền mà ông đã tạm nộp 3.245.800đ theo biên lai thu số: 04005 ngày 17/10/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Buộc ông Phạm Văn Th phải chịu 617.500đ trong đó: 430.000đ phần bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất đối với ông B và yêu cầu bồi thường tiền ban liếp không được chấp nhận nhưng xét thấy ông Phạm Văn Th thuộc diện được miễn chịu án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông Phạm Văn Th, hoàn trả lại cho

ông Th số tiền mà ông tạm nộp 475.000đ theo biên lai thu số 0007538 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự ; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 17 Nghị quyết số: 01/2012/NQ -HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Phạm Văn Th bồi thường cho ông Hồ Văn B 430 cây bạch đàn, giá trị là 8.600.000đ (*Tám triệu sáu trăm ngàn đồng*)

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đòi ông Phạm Văn Th bồi thường thành quả lao động số tiền 24.708.000đ (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng*)

3. Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đòi ông Th giao trả lại diện tích đất 4.003m², 249 cây bạch đàn và một phần tiền đầu tư thành quả trên đất.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện ông Phạm Văn Th đòi ông B trả tiền thuê ban đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ọc thi hành án, nếu ng-ời phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nói trên cho ng-ời đ-ọc thi hành án thì hàng tháng ng-ời phải thi hành án còn phải chịu một khoảng tiền lãi cho ng-ời đ-ọc thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, t-ong ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ cho ông Hồ Văn B số tiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông B 3.245.800đ mà ông B tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 04005 ngày 17/10/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Miễn toàn bộ khoản tiền phải chịu án phí dân sự sơ cho ông Phạm Văn Th. Hoàn trả lại cho ông Th 475.000đ số tiền do ông Th đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007538 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

6. Về chi phí Thẩm định và định giá: 2.780.000 đồng, trong đó: chi phí định giá 2.200.000đ + 580.000đ tiền thẩm định.

Buộc Hồ Văn B phải chịu chi phí định là 2.000.000đ, trong đó: tiền chi phí thẩm định là 580.000đ, chi phí định giá là 1.420.000đ, phần này ông B đã nộp xong.

Buộc ông Phạm Văn Th phải chịu chi phí định giá là 780.000đ (*Bảy trăm tám mươi ngàn đồng*), phần này ông B đã tạm nộp nên ông Th có trách nhiệm trả lại cho ông Hồ Văn B.

7. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (18/8/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tr- ờng hợp bản án này đ- ọc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Lê Mỹ Huê